

Số: /QĐ-SGDĐT

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT;

Căn cứ Quyết định số 593/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GDĐT tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017, Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở GDĐT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng thuộc Sở GDĐT; Trưởng phòng GDĐT các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục CNTT, Bộ GDĐT (báo cáo);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Tạ Việt Hùng

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /02/2023 của Sở GDĐT)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế quy định việc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang.
- Quy chế này áp dụng đối với: Văn phòng, Thanh tra, các phòng thuộc Sở GDĐT; phòng GDĐT các huyện, thành phố; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu* ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu ngành) là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin quản lý về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và các thông tin liên quan được xây dựng, cập nhật, duy trì phục vụ quản lý trong lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu ngành gồm các cơ sở dữ liệu thành phần: Cơ sở dữ liệu về trường học; cơ sở dữ liệu về lớp học; cơ sở dữ liệu về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên; cơ sở dữ liệu về học sinh; cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất trường học và các cơ sở dữ liệu thành phần khác do Sở GDĐT quy định.

2. *Hệ thống cơ sở dữ liệu* ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi là Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành) là hệ thống công nghệ thông tin chuyên ngành do Sở GDĐT xây dựng, quản lý, sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh, có các chức năng cơ bản phục vụ công tác báo cáo, thu thập, tổng hợp dữ liệu số hóa về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ các cơ sở giáo dục đến các cấp quản lý. Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành gồm hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên được thiết lập, vận hành và hoạt động trên môi

trường Internet tại địa chỉ <http://csdl.bacgiang.edu.vn>.

Phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu ngành đã đáp ứng chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối (được ban hành kèm theo Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT) và đã kết nối, trao đổi dữ liệu thành công với Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT bắt đầu từ kỳ báo cáo thống kê dữ liệu giáo dục đầu năm học 2021-2022.

3. *Báo cáo dữ liệu giáo dục trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành* là việc rà soát, chuẩn hóa, nhập dữ liệu dưới dạng số hóa theo định dạng thống nhất được cung cấp trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

4. *Mã định danh* cho một đối tượng được quản lý trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành là một chuỗi ký tự dùng để định danh cho đối tượng đó trên cơ sở dữ liệu ngành.

5. *Tài khoản* trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành gồm hai thông tin chính là tên đăng nhập và mật khẩu được cơ quan có thẩm quyền cấp để đăng nhập, khai thác sử dụng. Tài khoản quản trị dùng để quản trị Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo thẩm quyền của cơ quan, đơn vị; tài khoản khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành để khai thác, sử dụng, cập nhật dữ liệu theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được phân công. Mỗi cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng sử dụng Cơ sở dữ liệu ngành được cấp một tài khoản quản trị.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

Việc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, thuận tiện cho khai thác, sử dụng, phục vụ công tác quản lý ngành về giáo dục.

2. Các cơ quan quản lý giáo dục được sử dụng dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu ngành trong phạm vi phân cấp và trách nhiệm quản lý được giao.

3. Các tổ chức khác khai thác và sử dụng dữ liệu phải được sự đồng ý của Sở GDĐT Bắc Giang và phải thực hiện việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo đúng mục đích, nội dung đã được cho phép và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm cho việc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

1. Kinh phí quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, bảo trì, mở rộng và nâng cấp Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành được bảo đảm từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp giáo dục và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Kinh phí tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu của đơn vị, cơ sở giáo dục do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hàng năm.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

Điều 5. Tài khoản quản trị và tài khoản sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

Tài khoản trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục được cấp cho tổ chức, cá nhân sử dụng để quản trị, báo cáo dữ liệu, khai thác và sử dụng thông tin từ Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

1. Tài khoản quản trị Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành do Sở GDĐT quản lý.
2. Sở GDĐT cấp tài khoản quản trị của các Phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở.
3. Phòng GDĐT cấp tài khoản quản trị các cơ sở giáo dục do Phòng GDĐT quản lý.
4. Tài khoản quản trị của các cơ sở giáo dục sử dụng để khai báo, cấp tài khoản cho các bộ phận, cá nhân trong cơ sở giáo dục quản lý, sử dụng.
5. Tài khoản sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành là tài khoản được khai báo, kích hoạt từ tài khoản quản trị mỗi đơn vị. Mỗi tài khoản được thiết lập, phân quyền khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tương ứng với vị trí việc làm và phân công nhiệm vụ thực tế tại mỗi đơn vị. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng tài khoản theo đúng mục đích, chức năng quy định.
6. Các đơn vị phải thu hồi ngay tài khoản của cán bộ, giáo viên, nhân viên sau khi ngừng làm việc, thôi việc, nghỉ chế độ, luân chuyển công tác...

Điều 6. Mã định danh trên Cơ sở dữ liệu ngành

1. Mã định danh của mỗi đối tượng được quản lý trên Cơ sở dữ liệu ngành là duy nhất, được hình thành từ lần tạo lập dữ liệu đầu tiên và không bị thay đổi hoặc xóa bỏ từ khi mã được sinh ra. Mã định danh phục vụ công tác quản lý, báo cáo, kết nối dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu ngành và các mục đích khác do Bộ GDĐT quy định.
2. Mã định danh của Sở GDĐT, Phòng GDĐT trên Cơ sở dữ liệu ngành do Bộ GDĐT tạo lập. Thông tin mã định danh của Sở GDĐT được xác định tại trường dữ liệu “Mã sở”; thông tin mã định danh của Phòng GDĐT được xác định tại trường dữ liệu “Mã phòng”.
3. Mã định danh của cơ sở giáo dục do Sở GDĐT hoặc Phòng GDĐT trực tiếp quản lý cấp từ lần tạo lập đầu tiên trên Cơ sở dữ liệu ngành. Thông tin mã định danh của cơ sở giáo dục được xác định tại trường dữ liệu “Mã trường”, được hình thành theo quy tắc kết hợp mã tỉnh + mã huyện + mã đơn vị, do Hệ thống tạo lập

tự động dựa trên quy ước của Bộ GDĐT. Trường hợp có sự sáp nhập hoặc chia, tách cơ sở giáo dục, Sở GDĐT hoặc Phòng GDĐT trực tiếp quản lý quyết định việc sử dụng mã định danh cho đơn vị mới (sử dụng công cụ trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành để sáp nhập hoặc chia, tách cơ sở giáo dục kèm theo việc cấp mã định danh). Trường hợp cơ sở giáo dục không còn hoạt động, Sở GDĐT hoặc Phòng GDĐT trực tiếp quản lý chỉ thay đổi thông tin trạng thái của cơ sở giáo dục (không xóa tên và mã định danh của cơ sở giáo dục trên Cơ sở dữ liệu ngành).

4. Mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên các đơn vị, cơ sở giáo dục có một mã định danh duy nhất, do Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành cấp tự động trong lần tạo lập hồ sơ đầu tiên trên cơ sở các thông tin bắt buộc khai báo theo quy ước của Bộ GDĐT. Trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên chuyển công tác, ngừng làm việc, thôi việc, thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý có trách nhiệm sử dụng tài khoản quản trị của đơn vị để cập nhật trạng thái và thông tin hồ sơ điện tử; tuyệt đối không được xóa hồ sơ và mã định danh của cán bộ, giáo viên, nhân viên trên Cơ sở dữ liệu ngành.

5. Mỗi học sinh có một mã định danh duy nhất, do Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành cấp tự động trong lần tạo lập hồ sơ đầu tiên trên cơ sở các thông tin bắt buộc khai báo theo quy ước của Bộ GDĐT. Trường hợp học sinh nghỉ học, thôi học, chuyển đi, cơ sở giáo dục nơi có học sinh chuyển đi cập nhật trạng thái hồ sơ điện tử của học sinh. Trường hợp tiếp nhận học sinh chuyển đến, cơ sở giáo dục nơi tiếp nhận học sinh chuyển đến căn cứ văn bản hướng dẫn (hoặc giấy giới thiệu nếu có) của Sở GDĐT hoặc Phòng GDĐT trực tiếp quản lý cập nhật thông tin hồ sơ điện tử theo mã định danh của học sinh; tuyệt đối không xóa hồ sơ và mã định danh của học sinh trên Cơ sở dữ liệu ngành.

Điều 7. Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

1. Dữ liệu thuộc Cơ sở dữ liệu ngành do Sở GDĐT quản lý, Văn phòng Sở GDĐT chịu trách nhiệm tham mưu Lãnh đạo Sở thực hiện quản trị, vận hành kỹ thuật Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

2. Các phòng thuộc Sở GDĐT quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi, chức năng và lĩnh vực phụ trách theo Quy chế làm việc của Sở trong Cơ sở dữ liệu ngành.

3. Phòng GDĐT quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi huyện, thành phố trong Cơ sở dữ liệu ngành.

4. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời về dữ liệu của đơn vị mình quản lý trong Cơ sở dữ liệu ngành.

Điều 8. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

1. Sở GDĐT cung cấp tài liệu điện tử hướng dẫn sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tại địa chỉ <http://csdl.bacgiang.edu.vn>; hỗ trợ kỹ thuật qua email:

csdl@bacgiang.edu.vn và hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng qua các hình thức phù hợp khác.

2. Trong quá trình sử dụng, nếu phát hiện sự cố kỹ thuật liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, cần báo cáo về Sở GDĐT (qua Văn phòng) để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 9. An toàn thông tin

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành được bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và phù hợp các quy định hiện hành có liên quan.

2. Các đơn vị được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này, cá nhân được giao trực tiếp tham gia quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng, các quy định về thu thập và sử dụng thông tin cá nhân và các quy định tại Quy chế này.

Điều 10. Báo cáo dữ liệu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

1. Nội dung, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo dữ liệu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thực hiện theo chế độ báo cáo thống kê của ngành Giáo dục và khi có yêu cầu của Sở GDĐT.

2. Sở GDĐT, Phòng GDĐT có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai báo cáo trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo dữ liệu đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn theo yêu cầu của Sở GDĐT.

Điều 11. Sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành

1. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành được sử dụng thống nhất, có tính pháp lý trong quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

2. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành được thực hiện thông qua tài khoản được cấp từ Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

3. Việc sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

4. Các đơn vị được quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quy chế này tham gia báo cáo, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành phải ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm quản lý và khai thác sử dụng thông tin từ các tài khoản người dùng; tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong thẩm quyền quản lý.

5. Sở GDĐT, Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục được quyền khai thác, sử

dụng dữ liệu theo phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu ngành; thực hiện tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong phạm vi quản lý.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quy chế này nếu có nhu cầu sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu ngành thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Quy định về kết nối và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác

1. Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin thực hiện theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định kỹ thuật về dữ liệu và kết nối với cơ sở dữ liệu GDĐT do Bộ GDĐT ban hành và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Việc kết nối dữ liệu (nếu có) nhằm mục đích phục vụ yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đối với các trường hợp khác, cần phải có sự đồng ý của chủ sở hữu trực tiếp dữ liệu và được sự cho phép của cơ quan quản lý trực tiếp trên các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở GDĐT, Phòng GDĐT

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, tổ chức triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo quy định tại Quy chế này.

2. Chỉ đạo, phân công bộ phận phụ trách công nghệ thông tin làm đầu mối kỹ thuật quản trị phần mềm; hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ sử dụng, quản lý và cấp tài khoản sử dụng cho các đơn vị trong phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo, phân công các phòng hoặc bộ phận chuyên môn phụ trách quản lý, kiểm duyệt và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định.

4. Báo cáo tình hình quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Tổ chức cập nhật dữ liệu và báo cáo dữ liệu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn theo các quy định tại Quy chế này cũng như các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Báo cáo tình hình triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành khi có yêu cầu.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng thuộc Sở GDĐT, Trưởng phòng GDĐT các huyện, thành phố, người đứng đầu các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng thuộc Sở GDĐT, Trưởng phòng GDĐT các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT phản ánh bằng văn bản về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở GDĐT xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.